

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

2. Cơ sở thực tiễn

Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai

đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030. Tại điểm a khoản 4 Điều 9 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg quy định:

“4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Căn cứ điều kiện thực tế, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 tại địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.”

Chương trình được triển khai trên địa bàn tỉnh Cà Mau với nhiều nội dung, nhiệm vụ và đối tượng thụ hưởng khác nhau. Giữa các địa bàn có sự khác biệt về quy mô dân số, số lượng đơn vị hành chính cấp xã, diện tích, điều kiện kinh tế - xã hội, mức độ khó khăn, nhu cầu thực hiện nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách. Vì vậy, việc xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ phù hợp với đặc điểm, nhu cầu và khả năng thực hiện của từng địa bàn là cần thiết, bảo đảm ưu tiên nguồn lực cho các địa bàn, đối tượng còn khó khăn, hạn chế phân bổ bình quân, dàn trải.

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện trên cơ sở quy định tại Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu thực hiện nhiệm vụ và khả năng cân đối, bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương; bảo đảm phân bổ đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết, tạo cơ sở để phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn vốn đúng mục tiêu, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản

Quy định cụ thể nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Làm cơ sở để phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm và khả năng cân đối ngân sách của từng địa bàn; bảo đảm phân bổ có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nhu cầu thực tế, không bình quân, dàn trải và sử dụng nguồn vốn được giao tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

Việc phân bổ nguồn vốn bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, phù hợp với nhu cầu và khả năng thực hiện của từng địa bàn; đồng thời bảo đảm dân chủ, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng, ban hành Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Để đảm bảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau trình thông qua tại kỳ họp chuyên đề gần nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI năm 2026, ngay sau khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan soạn thảo Nghị quyết tại Công văn số 13255/UBND-KTTH ngày 07 tháng 8 năm 2026.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 187/NQ-HĐND về việc ban hành Danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ (theo trình tự thủ tục rút gọn), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện Nghị quyết tại Công văn số 15489/UBND-NC ngày 15 tháng 9 năm 2026.

Theo đó, Sở Y tế đã xây dựng dự thảo Tờ trình và Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan; đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân theo quy định. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan; Sở Y tế đã tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết; gửi Sở Tư pháp thẩm định. Qua ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Y tế tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau đồng thời được gửi lấy ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và được Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh trình xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi tắt là *Chương trình*) theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Quyết định số 37/2026/QĐ-

TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

b) Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên) để thực hiện Chương trình.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm có 9 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ ngân sách nhà nước cho xã, phường

Điều 5. Định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

Điều 6. Nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Điều 7. Nguồn vốn thực hiện

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Điều 9. Tổ chức thực hiện

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Nguyên tắc phân bổ ngân sách nhà nước

Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

Việc phân bổ ngân sách phải bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ; không phân bổ trùng lặp với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác và các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí kinh phí chi thường xuyên hằng năm; đồng thời khuyến khích huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình.

Việc phân bổ ngân sách căn cứ vào mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Chương trình; kế hoạch thực hiện hằng năm; tình hình thực tế; khả năng cân đối ngân sách nhà nước; kết quả thực hiện nhiệm vụ, sử dụng và giải ngân ngân sách trung ương thực hiện Chương trình. Trường hợp nhu cầu vốn của các các sở, ban, ngành tỉnh và các xã, phường thấp hơn mức vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ được xác định theo các tiêu chí, hệ số phân bổ quy định tại Nghị quyết này, cơ quan

có thẩm quyền thực hiện phân bổ vốn theo nhu cầu thực tế. Phần vốn còn dư được phân bổ cho các các sở, ban, ngành tỉnh và các xã, phường khác trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, nhu cầu thực tế, khả năng hấp thụ vốn và kết quả giải ngân; ưu tiên các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khó khăn, biên giới, hải đảo.

Trường hợp nhu cầu vốn của các các sở, ban, ngành tỉnh và các xã, phường cao hơn mức vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ được xác định theo các tiêu chí, hệ số phân bổ quy định tại Nghị quyết này, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chủ động cân đối, huy động và lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện, bảo đảm hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Trường hợp có chia tách, sáp nhập đơn vị hành chính, cơ quan, đơn vị hàng năm trong giai đoạn, việc phân bổ ngân sách cho các đơn vị hành chính hoặc cơ quan hoặc đơn vị mới thực hiện theo nguyên: Đối với các đơn vị mới được sáp nhập từ hai đơn vị hành chính hoặc cơ quan hoặc đơn vị trở lên, phân bổ ngân sách bằng tổng mức đã phân bổ cho từng đơn vị hành chính, cơ quan, đơn vị trước sáp nhập bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động, dự án của Chương trình liên tục, có tính kế thừa, không gián đoạn. Đối với các đơn vị mới được chia tách, phân bổ ngân sách tương ứng theo các nhiệm vụ, nội dung, hoạt động, dự án được phân chia từ đơn vị hành chính hoặc cơ quan hoặc đơn vị trước chia tách cho đơn vị mới theo quyết định của cấp thẩm quyền.

3.2. Tiêu chí, hệ số phân bổ ngân sách nhà nước cho xã, phường

1. Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ cho xã, phường

a) Theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã ($H_{đvhc}$)

Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ cho xã, phường thuộc đối tượng hỗ trợ theo nguyên tắc được quy định cụ thể như sau:

Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã biên giới, xã đảo, đặc khu: $H_{đvhc} = 2,5$ điểm.

Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: $H_{đvhc} = 2,0$ điểm.

Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: $H_{đvhc} = 1,5$ điểm.

Xã, phường còn lại: $H_{đvhc} = 1,0$ điểm.

Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

b) Theo quy mô dân số (H_{ds})

Căn cứ dân số trung bình năm 2025, hệ số điểm theo quy mô dân số các xã, phường được xác định như sau:

Từ 80.000 dân trở lên: $H_{ds} = 200$ điểm.

Từ 50.000 dân đến dưới 80.000 dân: $H_{ds} = 160$ điểm.

Từ 30.000 dân đến dưới 50.000 dân: $H_{ds} = 120$ điểm.

Dưới 30.000 dân: $H_{ds} = 80$ điểm.

c) Theo quy mô diện tích (H_{dt})

Căn cứ quy mô diện tích, hệ số điểm theo quy mô diện tích của các xã, phường được xác định như sau:

Từ 210 km² trở lên: $H_{dt} = 80$ điểm.

Từ 160 km² đến dưới 210 km²: $H_{dt} = 70$ điểm.

Từ 110 km² đến dưới 160 km²: $H_{dt} = 60$ điểm.

Từ 60 km² đến dưới 110 km²: $H_{dt} = 50$ điểm.

Dưới 60 km²: $H_{dt} = 40$ điểm.

d) Theo tổng tỷ suất sinh (H_{tss})

Căn cứ tổng tỷ suất sinh, hệ số điểm theo tổng tỷ suất sinh của các xã, phường được xác định như sau:

Tổng tỷ suất sinh thấp hơn 2,10 con/phụ nữ: $H_{tss} = 10$ điểm.

Tổng tỷ suất sinh từ 2,10 con/phụ nữ trở lên: $H_{tss} = 5$ điểm.

đ) Theo tỷ số giới tính khi sinh (H_{gt})

Căn cứ tỷ số giới tính khi sinh, hệ số điểm theo tỷ số giới tính khi sinh của các xã, phường được xác định như sau:

Tỷ số giới tính khi sinh trên 112,0 bé trai/100 bé gái: $H_{gt} = 5$ điểm.

Tỷ số giới tính khi sinh từ trên 109,0 đến 112,0 bé trai/100 bé gái: $H_{gt} = 2,5$ điểm.

Tỷ số giới tính khi sinh đến 109,0 bé trai/100 bé gái: $H_{gt} = 1$ điểm.

e) Theo tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên (H_{nct})

Căn cứ tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên, hệ số điểm theo tiêu chí này của các xã, phường được xác định như sau:

Tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên trên 14,0%: $H_{nct} = 10$ điểm.

Tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên từ 7,0% đến 14,0%: $H_{nct} = 5$ điểm.

Tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên dưới 7,0%: $H_{nct} = 1$ điểm.

g) Theo tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi (H_{dd})

Căn cứ tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của các xã, phường, hệ số điểm theo tiêu chí này được xác định như sau:

Tỷ lệ trên 20%: $H_{dd} = 10$ điểm.

Tỷ lệ từ 10% đến 20%: $H_{dd} = 5$ điểm.

Tỷ lệ dưới 10%: $H_{dd} = 1$ điểm.

2. Phương pháp xác định kết quả phân bổ ngân sách trung ương

a) Phương pháp tính phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương cho xã, phường i (K_{txi}) được xác định theo phương pháp tính điểm tổng hợp:

$$K_{txi} = \frac{S_{txi}}{\sum S_{txi}} \times K_{tx}$$

Trong đó:

K_{tx} là tổng kinh phí thường xuyên của Chương trình phân bổ cho các xã, phường trong giai đoạn hoặc hằng năm.

S_{txi} là tổng điểm phân bổ kinh phí thường xuyên của xã, phường i .

$\sum S_{txi}$ là tổng điểm của các xã, phường được phân bổ kinh phí thường xuyên.

Tổng điểm phân bổ kinh phí thường xuyên của xã, phường i (S_{txi}) được xác định như sau:

$$S_{txi} = H_{dvhci} + H_{dsi} + H_{dti} + H_{tssi} + H_{gti} + H_{ncti} + H_{ddi}$$

b) Phương pháp tính phân bổ vốn đầu tư công ngân sách trung ương cho xã, phường thuộc đối tượng hỗ trợ theo nguyên tắc quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg được xác định như sau:

$$V_{dti} = \frac{S_{dti}}{\sum S_{dti}} \times V_{dt}$$

Trong đó:

V_{dt} là tổng vốn đầu tư công của Chương trình phân bổ cho các xã, phường i trong giai đoạn hoặc hằng năm.

S_{dti} là tổng điểm phân bổ vốn đầu tư công của xã, phường i .

$\sum S_{dti}$ là tổng điểm của các xã, phường được phân bổ vốn đầu tư công.

Tổng điểm phân bổ vốn đầu tư công của các xã, phường i (S_{dti}) được xác định như sau:

$$S_{dti} = H_{dvhci} + H_{dsi} + H_{dti}$$

3. Nguồn số liệu:

a) Xã, phường khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực biên giới: Số lượng xã, phường khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; số lượng xã khu vực biên giới đất liền, xã khu vực biên giới biển theo Nghị định số 299/2025/NĐ-

CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.

b) Số liệu về quy mô diện tích, dân số theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025;

c) Số liệu về tổng tỷ suất sinh, tỷ số giới tính khi sinh và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thấp còi được xác định theo số liệu năm 2025 do Ủy ban nhân dân các xã, phường cung cấp; số liệu về tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên được xác định theo số liệu năm 2025 do Cục Thống kê tỉnh Cà Mau cung cấp.

3.3. Định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện các sở, ban, ngành tỉnh

1. Ngân sách trung ương thực hiện Chương trình tại tỉnh Cà Mau được phân bổ căn cứ tổng mức vốn được cấp có thẩm quyền giao, phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ quy định tại Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg và Nghị quyết này, bảo đảm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi của Chương trình.

2. Việc phân bổ ngân sách thực hiện Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và khả năng thực hiện của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; không trùng lặp về nội dung, đối tượng và nguồn vốn với các chương trình, dự án, nhiệm vụ khác.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tổng mức vốn được cấp có thẩm quyền giao và các quy định tại Nghị quyết này xây dựng phương án phân bổ ngân sách thực hiện Chương trình cho các cơ quan, đơn vị, xã, phường và các nhiệm vụ của Chương trình, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

3.4. Nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Tổng mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 được bố trí theo quy định tại Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hằng năm, ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu 16,4% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện Chương trình, căn cứ tỷ lệ vốn đối ứng được xác định Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định; đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình.

3.5. Nguồn vốn thực hiện

Từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT (Không có)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực: Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ và nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

2. Về nguồn nhân lực, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và nguồn nhân lực hiện có của các cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó có Ủy ban nhân dân cấp xã. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phân công, bố trí và sử dụng nhân lực phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, khối lượng công việc và điều kiện thực tế, bảo đảm thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình.

Việc thực hiện Nghị quyết không làm phát sinh tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và biên chế; trường hợp phát sinh yêu cầu về nhân lực trong quá trình thực hiện thì thực hiện rà soát, sắp xếp, điều chỉnh, bố trí trong phạm vi nguồn nhân lực hiện có theo quy định và thẩm quyền.

3. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân thông qua Nghị quyết này tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2026 gần nhất.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Tờ trình của Sở Y tế; (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Các văn bản liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND tỉnh
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các sở: Y tế, Tài chính, Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: KGVX (Bien⁴⁶), NC, KTTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Vũ Thăng